TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU
Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/6/2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh
2. Bà Trần Thị Phương Anh

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1993, địa chỉ: Ấp C, xã D, thị xã E, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Số 431 đường G, phường H, thành phố I, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/4/2023)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp L, thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2023, biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2023 nguyên đơn, chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng K chung sống với nhau từ năm 2017. Đến năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75/2018, ngày 09/7/2018. Chị và anh K chung sống có 01 con chung tên: Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 03/5/2018, hiện nay đang sống chung với chị. Do chị và anh K chung sống thời gian ngắn, cuộc sống khó khăn, vợ chồng đi làm thuê lương chỉ đủ trang trải cuộc sống hằng ngày và nuôi con nên không tạo lập được tài sản chung. Chị và anh K chung sống không có nợ ai, cũng như không ai nợ vợ chồng chị.

Nguyên nhân ly hôn là do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh K có hành vi bạo lực, đánh đập chị, chị nghi ngờ anh K không chung thủy, vợ chồng ly thân nhiều lần sau đó đoàn tụ nhưng anh K không sửa đổi dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không có biện pháp gì hàn gắn.

Nay chị và anh Nguyễn Hoàng K không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng K, không yêu cầu đoàn tụ. Về con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 03/5/2018 (giới tính: Nữ) hiện nay đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Bảo N, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nhà anh Nguyễn Hoàng K để tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh K không đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu theo giấy mời nên không ghi nhận được ý kiến của anh K đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B với anh Nguyễn Hoàng K. Xử cho chị Tuyên ly hôn với anh K. Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 03/5/2018 cho chị Tuyên trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Tuyên không yêu cầu, tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Chị Tuyên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị B yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Hoàng K, hiện nay anh K đang cư trú tại ấp L, thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Hoàng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Tuyên và anh K theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Hoàng K chung sống với nhau từ năm 2017. Đến năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75/2018, ngày 09/7/2018. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Tuyên và anh K là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được."

[5] Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Trưởng ấp L, thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu xác định hiện nay chị Tuyên và anh Kkhông còn sống chung với nhau. Theo chị Tuyên xác định vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn nhiều năm nay, anh K có hành vi bạo lực đối với chị, vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không có biện pháp gì để hàn gắn. Từ đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Tuyên và anh K đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tuyên đối với anh K.

[6] Về con chung: Chị Tuyên và anh K có một con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 03/5/2018 (giới tính: Nữ) hiện nay đang sống chung với chị. Chị Tuyên có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Bảo N. Xét thấy, hiện nay cháu N đang sống chung với chị Tuyên, do cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ nên cần tiếp tục giao cháu N cho chị Tuyên tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Tuyên không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tuyên xác định vợ chồng chung sống thời gian ngắn nên không tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ hai vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự không có giá ngạch: Chị Tuyên chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung được chấp nhận.

[9] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B đối với anh Nguyễn Hoàng K. Xử cho chị Nguyễn Thị B ly hôn với anh Nguyễn Hoàng K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 03/5/2018 (giới tính: Nữ) cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Hoàng K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị B không yêu cầu.

Anh Nguyễn Hoàng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chị Nguyễn Thị B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001491ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A
- UBND tt M, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến